TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 68/2023/QĐST- HNGĐ	*Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Nguyễn Minh Tân.**

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 328/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2023 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 313/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2023 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

-Anh **Trương Công S**, sinh năm 1987.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N(L), xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Nhật Bản.

- Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1993.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn N(L), xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được anh S ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng*: Bà **Hoàng Thị Nh**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn N(L), xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được chị Nguyễn Thị Th ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án*: Ông **Nguyễn Đại Đ,** sinh năm 1966 và bà **Bùi Thị Ng**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn Ứ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

(Anh Trương Công S, chị Nguyễn Thị Th, bà Hoàng Thị Nh, ông Nguyễn Đại Đ và bà Bùi Thị Ng đều vắng mặt và có đơn, quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình của anh Trương Công S, chị Nguyễn Thị Th và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Công S và chị Nguyễn Thị Th được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/02/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau tại địa phương, cuộc sống vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc. Năm 2016 chị Th đi lao động tại Nhật Bản, đến năm 2019 anh S cũng đi Nhật Bản để vợ chồng đoàn tụ. Trong thời gian ở nước ngoài anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, mỗi lần nói chuyện vợ chồng lại xảy ra tranh cãi. Tháng 01/2019 chị Th hết hạn lao động về nước, đến tháng 4/2019 chị Th tiếp tục đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Vợ chồng mỗi người nên không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống khiến tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Bản thân anh chị đã tìm mọi biện pháp để cải thiện quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả. Nay anh Trương Công S và chị Nguyễn Thị Th cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Trương Công S và chị Nguyễn Thị Th có 02 con chung là Trương Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 19/01/2013 và Trương Công Ph, sinh ngày 16/6/2014. Khi ly hôn anh chị đều thống nhất để chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 19/01/2013, còn anh S chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trương Công Ph, sinh ngày 16/6/2014. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Do thời gian tới anh chị đều đi lao động tại nước ngoài nên đề nghị tạm giao con chung Trương Nguyễn Ngọc L cho ông Nguyễn Đại Đ và bà Bùi Thị Ng (bố mẹ đẻ chị Th) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Th không ở tại Việt Nam; tạm giao con chung Trương Công Ph, sinh ngày 16/6/2014 cho bà Hoàng Thị Nh (mẹ đẻ anh S) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh S không ở tại Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trương Công S và chị Nguyễn Thị Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Con chung Trương Công Ph có nguyện vọng được ở cùng với bố là anh Trương Công S và ông bà nội.

Con chung Trương Nguyễn Ngọc L có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là Nguyễn Thị Th và ông bà ngoại.

Tại lời khai của bà Hoàng Thị Nh (mẹ đẻ anh Trương Công S) thể hiện: Bà nhất trí với sự ủy quyền của anh S về việc nuôi cháu Trương Công Ph trong

thời gian anh S không có mặt tại Việt Nam, không yêu cầu chị Th, anh S cấp dưỡng cho cháu Trương Công Ph.

Tại lời khai của ông Nguyễn Đại Đ và bà Bùi Thị Ng (bố mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Th) thể hiện: Ông bà nhất trí với sự ủy quyền của chị Th về việc nuôi cháu Trương Nguyễn Ngọc L trong thời gian chị Th không có mặt tại Việt Nam, không yêu cầu chị Th, anh S cấp dưỡng cho cháu Trương Nguyễn Ngọc L.

Tại phiên họp anh Trương Công S, chị Nguyễn Thị Th vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn. Bà Hoàng Thị Nh, ông Nguyễn Đại Đ và bà Bùi Thị Ng vắng mặt, có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc dân sự và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị áp dụng các Điều 55, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Trương Công S và chị Nguyễn Thị Th; Về nuôi con: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Trương Công S và chị Nguyễn Thị Th, giao cho chị Nguyễn Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 19/01/2013, giao cho anh Trương Công S chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trương Công Ph, sinh ngày 16/6/2014. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh Trương Công S, chị Nguyễn Thị Th không ở tại Việt Nam, tạm giao cháu Trương Công Ph cho bà Hoàng Thị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Trương Nguyễn Ngọc L cho ông Nguyễn Đại Đ và bà Bùi Thị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị Nh, ông Nguyễn Đại Đ và bà Bùi Thị Ng không yêu cầu chị Th, anh S cấp dưỡng cho các cháu. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Th tự nguyện chịu cả 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Trương Công S, chị Nguyễn Thị Th cùng có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh S, chị Th có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn N(L), xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trương Công S, chị Nguyễn Thị Th, bà Hoàng Thị Nh, ông Nguyễn Đại Đ và bà Bùi Thị Ng đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố

tụng dân sự, Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Công S và chị Nguyễn Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 28/02/2012, là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Bản thân anh chị đều xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân và không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, các đương sự cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Trương Công S và chị Nguyễn Thị Th là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Trương Công S và chị Nguyễn Thị Th có 02 con chung là Trương Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 19/01/2013 và Trương Công Ph, sinh ngày 16/6/2014. Khi ly hôn, anh S và chị Th thống nhất thỏa thuận để chị Nguyễn Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 19/01/2013, anh Trương Công S chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trương Công Ph, sinh ngày 16/6/2014. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh S và chị Th đều nhất trí đề nghị tạm giao con chung Trương Nguyễn Ngọc L cho ông Nguyễn Đại Đ và bà Bùi Thị Ng (bố mẹ đẻ chị Th) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Th không ở tại Việt Nam; tạm giao con chung Trương Công Ph, sinh ngày 16/6/2014 cho bà Hoàng Thị Nh (mẹ đẻ anh S) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh S không ở tại Việt Nam. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên. Do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận trên là phù hợp với quy định tại Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trương Công S và chị Nguyễn Thị Th không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Th chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Trương Công S** và chị **Nguyễn Thị Th**.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Trương Công S và chị Nguyễn Thị Th. Giao cho chị Nguyễn Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 19/01/2013. Giao cho anh Trương Công S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Công Ph, sinh ngày 16/6/2014. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Không ai được cản trở anh Trương Công S, chị Nguyễn Thị Th thực hiện quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong thời gian chị Nguyễn Thị Th không ở tại Việt Nam, tạm giao con chung Trương Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 19/01/2013 cho ông Nguyễn Đại Đ và bà Bùi Thị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Trương Công S không ở tại Việt Nam, tạm giao con chung Trương Công Ph, sinh ngày 16/6/2014 cho bà Hoàng Thị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Th tự nguyện chịu cả 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) do anh Trương Công S đã nộp thay theo biên lai thu số AA/2022/0002126 ngày 11/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân